

NỘI DUNG CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024-2025
(Điều 4 thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Lê Lai

2. Trụ sở chính: Số 732A đường Tôn Đức Thắng, ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Số điện thoại: 0276.

Địa chỉ thư điện tử (Email): tieuhoclelai@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <http://thlelai.giaoductayninh.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Loại hình: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường Tiểu học Lê Lai.

a. Sứ Mạng: Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, chất lượng thực chất để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

b. Tầm Nhìn: Là một trong những trường tiểu học chất lượng trên địa bàn xã Bình Minh mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

c. Mục Tiêu: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục.

+ Tôn Trọng:

- Xây dựng và duy trì một văn hóa tôn trọng lẫn nhau trong mọi hoạt động của trường, từ học sinh, giáo viên đến phụ huynh và cộng đồng.

- Đảm bảo rằng mọi ý kiến, nhu cầu và cảm xúc của học sinh và nhân viên đều được lắng nghe và phản hồi tích cực.

+ An Toàn:

- Đảm bảo môi trường học tập an toàn về cả thể chất lẫn tinh thần, phòng ngừa và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường và sự xâm phạm quyền lợi của học sinh.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và an ninh nhằm bảo vệ học sinh khỏi

mọi nguy cơ bên ngoài và bên trong nhà trường.

+ Yêu Thương:

- Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nơi mỗi học sinh cảm thấy được yêu thương và quan tâm, khuyến khích sự phát triển toàn diện của các em.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ để củng cố tình bạn, sự đồng cảm và sự đoàn kết trong cộng đồng học đường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

5.1. Quá trình hình thành

Trường được thành lập từ năm 1989 tên trường Tiểu học Lê Lai. Đến 01/10/2021 trường Tiểu học Long Thành Nam sáp nhập vào Trường Tiểu học Lê Lai theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân Thị Xã Hoà Thành

Trường có 01 điểm trường với 02 cơ sở; cơ sở 1: Địa chỉ số 732A ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh; cơ sở 2: Ấp Long Khương, xã Long Thành Nam, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

5.2. Quá trình phát triển

Trường Tiểu học Lê Lai, từ khi thành lập vào năm 1989 đến nay, đã có nhiều thành tích đáng tự hào trong suốt quá trình phát triển. Trường đã nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến. Đặc biệt, trường đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2013, và kiểm định chất lượng năm 2013 đạt mức độ 3 khẳng định chất lượng về cơ sở vật chất và công tác giảng dạy, thể hiện sự cam kết vững chắc trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cho các thế hệ học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn

- Người đại diện pháp luật: Trần Anh Tuấn
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Lê Lai, đường Tôn Đức Thắng, ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Số điện thoại: 0973369760
- Địa chỉ thư điện tử (Gmail): tieuhoclelai@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định đổi tên trường: Không

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Tiểu học Lê Lai.

(Có quyết định kèm theo)

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh hội đồng
-----	-----------	---------	--------------------

1	Ông Trần Anh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Lê Thị Kiều Vân	Giáo viên	Thư ký
3	Ông Nguyễn Văn Dũng	Giáo viên – Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
4	Ông Nguyễn Thành Huy	Phó Chủ tịch UBND xã Long Thành Nam	Thư ký
5	Ông Lê Văn Sự	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
6	Bà Võ Thị Phụng Hoàng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
7	Bà Lê Thị Trúc Duyên	Giáo viên Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Bà Lê Thị Thanh Phương	Giáo viên Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Bà Trần Thuy Phương Thanh	Giáo viên Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Bà Nguyễn Thuy Thuý Ái	Giáo viên Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
11	Bà Bùi Thị Giao Linh	Nhân viên Tổ trưởng văn phòng	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quyết định điều động Hiệu trưởng: Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 28/06/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ viên chức lãnh đạo, quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2747/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành về việc điều động và bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý.

(có quyết định kèm theo)

d. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy:

 Cơ chế hoạt động của trường:

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức, xét duyệt kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GDĐT, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh lớp 5 và quyết định khen thưởng học sinh.

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

Vị trí chức năng:

- Trường Tiểu học Lê Lai là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành; chịu sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Hòa Thành và các cơ quan có thẩm quyền.

- Trường Tiểu học Lê Lai có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của ủy ban nhân dân các tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

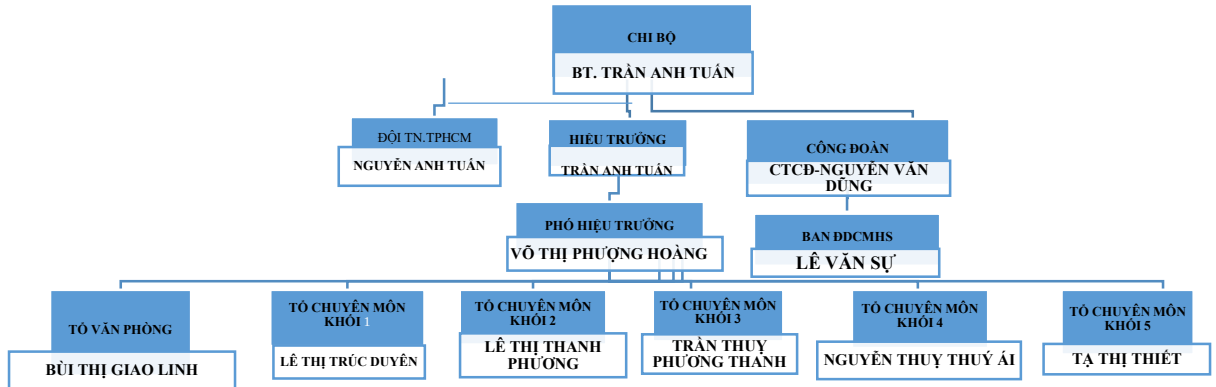
- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy trường Tiểu học Lê Lai.



d. Quyết định thành lập, thành viên (nếu có):

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Anh Tuấn	Hiệu trưởng	0973369760	
2	Võ Thị Phương Hoàng	Phó hiệu trưởng	0367055099	vothiphuonghoang80@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Lê Lai, ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Các văn bản liên quan của trường tiểu học Lê Lai:

- Kế hoạch số 09/KH-CVL ngày 31/08/2023 Kế hoạch phát triển trường tiểu học năm học 2023-2024.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 03/QĐ-LTV ngày **02/10/2023** về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2023-2024.

NỘI DUNG CÔNG KHAI THU, CHI TÀI CHÍNH
(Điều 5 thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDDĐT)

Nội dung	Nguồn chi	Chi	Chi không
		thường xuyên	thường xuyên
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		47.470.897	0
DỰ TOÁN GIAO (2)		5.309.000.000	
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)		-75.331.621	491.326.791
DỰ TOÁN TĂNG CCTL (4)			469.018.129
DỰ TOÁN THU (1+2+3+4)		5.281.139.276	960.344.920
DỰ TOÁN CHI		5.260.226.839	903.650.942
1. Tiền lương		2.376.090.103	244.342.327
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		182.633.040	
3. Phụ cấp lương		1.486.785.288	152.450.010
4. Tiền tết			25.200.000
5. Thêm giờ			267.619.893
6. Tiền thưởng		24.840.000	
7. Phúc lợi tập thể		1.785.000	
8. Các khoản đóng góp		708.518.408	72.223.792
9. Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		37.453.100	
10. Thanh toán dịch vụ công cộng		54.691.104	
12. Vật tư văn phòng		34.833.600	
13. Thông tin tuyên truyền liên lạc		29.068.600	
14. Công tác phí		9.120.000	
15. Chi phí thuê mướn		34.286.000	
16. Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn		33.989.067	
17. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành		41.932.000	
18. Chi khác		204.201.529	133.712.920
19. Hỗ trợ đối tượng chính sách			8.100.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI		20.912.437	56.693.978
DỰ TOÁN HỦY		20.912.437	56.693.978
CHUYỂN SANG NĂM 2024		23.038.842	0

Nội dung	Nguồn chi	Chi	Chi không
		thường xuyên	thường xuyên
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG(1)		29.701.871	-
DỰ TOÁN GIAO (2)		5.903.000.000	467.000.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)		1.266.390.127	747.352.120
DỰ TOÁN TĂNG CCTL (4)			
DỰ TOÁN THU (1+2+3+4)		7.199.091.998	1.214.352.120
DỰ TOÁN CHI		7.161.845.719	1.067.187.420
1. Tiền lương		3.521.638.108	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			190.600.020
3. Phụ cấp lương		2.138.913.951	
4. Tiền tết			24.500.000
5. Thêm giờ			370.814.158
6. Tiền thưởng			202.768.000
7. Phúc lợi tập thể		37.992.000	-
8. Các khoản đóng góp		1.042.676.751	-
9. Thông tin tuyên truyền			-
10. Hội nghị-		-	-
11. Sửa chữa duy tu tài sản		11.040.000	278.505.242
12. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành		51.837.000	
13. Chi khác		371.743.697	
DỰ TOÁN CÒN LẠI		37.246.279	147.164.700
DỰ TOÁN HỦY		37.246.279	147.164.700
CHUYỂN SANG QUÍ SAU		0	0

Bảo hiểm y tế (KP CSSKBD):

Năm trước chuyển sang: 60.366.262 đồng

Tổng Thu : 0 đồng

Tổng chi: 8.036.000 đồng

Chi mua dụng cụ y tế, mua thuốc: 6.846.500 đồng

Chi mua xà bông rửa tay: 1.190.000 đồng

Tồn: 52.329.862 đồng

Tiền căng tin

Năm trước chuyển sang: 0 đồng

Tổng thu : 20.000.000 đồng

Tổng chi: 20.000.000 đồng

Tồn : 0 đồng

2. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	56.700	
2	Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/năm	80.000	
3	Tiền ăn	đồng/học sinh/ngày	32.000	
4	Phục vụ bán trú	đồng/học sinh/tháng	280.000	
5	Hỗ trợ hoạt động giáo dục	đồng/học sinh/tháng	12.000	
6	Nước uống	đồng/học sinh/năm học	6.000	
II	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	73.710	
2	Tiền ăn	đồng/học sinh/ngày	32.000	
3	Phục vụ bán trú	đồng/học sinh/tháng	280.000	
4	Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/năm	80.000	
5	Hỗ trợ hoạt động giáo dục	đồng/học sinh/tháng	12.000	
III	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/năm	80.000	
3	Hỗ trợ hoạt động giáo dục	đồng/học sinh/tháng	12.000	
4	Tiền ăn	đồng/học sinh/ngày	32.000	
5	Phục vụ bán trú	đồng/học sinh/tháng	280.000	
6	Nước uống	đồng/học sinh/tháng	6.000	

3. Công khai dự toán thu chi năm 2023-2024

3.1.1. Hỗ trợ hoạt động giáo dục, vệ sinh

Mức thu: 12.000đ/ tháng/1hs.

Tồn năm học 2022-2023: 0 đ

Thu: 66.120.000đ

Chi: 64.743.000đ

Tồn năm học : 1.377.000 đ

3.1.2. Quỹ PVB.T: 280.000đ/tháng/1HS

Tồn năm học 2022-2023: 22.856.651đ

Thu: 658.130.000 đ

Chi: 680.610.121 đ

Tồn năm học 2023-2024: 376.350 đ

3.1.3. Tiền ăn: 32.000đ/ngày/1HS

Tồn đầu năm 2022-2023: 238.2300đ

Thu: 1.461.016.495 đ

Chi: 1.453.912.431 đ

Tồn năm học 2023-2024: 7.342.294 đ

3.1.4. Phí học 02 buổi/ngày

Tồn đầu năm 2022-2023: 790.072 đ

Thu: 50.305.000 đ

Chi: 50.772.000 đ

Tồn năm học 2023-2024: 323.072 đ

3.1.5. Nước uống: 6.000 đ/học sinh/năm học

Tồn đầu năm 2022-2023: 2.218.000 đ

Thu: 19.1880.000 đ

Chi: 18.240.000 đ

Tồn năm học 2023-2024: 3.166.000 đ

**NỘI DUNG CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
(Điều 8 thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)**

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	/	1	/	/	
Phó Hiệu trưởng	1	1	/	1	/	/	
Giáo viên	31	26	/	19	/	12 (CB,TC)	
TPT Đội	1	1	/	1	/	/	
Nhân viên	6	3	/	3	/	3	
Cộng	40	31	/	33	/	7	

 **Chia theo vị trí việc làm:**

STT	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng của chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)			
1	Hiệu trưởng	Giáo viên TH	II trở lên	01
2	Phó Hiệu trưởng	Giáo viên TH	II trở lên	01
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (06 vị trí)			
1	Giáo viên tiểu học hạng I	Giáo viên TH	I	02
2	Giáo viên tiểu học hạng II	Giáo viên TH	II	10
3	Giáo viên tiểu học hạng III	Giáo viên TH	III	20
4	Giáo vụ		IV	Kiểm nhiệm
5	Tư vấn học sinh		IV	Kiểm nhiệm
6	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		IV	Kiểm nhiệm
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (06 vị trí)			
1	Thư viện viên hạng IV	Thư viện viên	IV	01
2	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	III	Kiểm nhiệm
3	Phụ trách kế toán	Kế toán viên	III	01
4	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên	IV	Kiểm nhiệm
5	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	IV	Kiểm nhiệm
6	Y tế học đường	Y sĩ	IV	01
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ (03 vị trí)			
1	Nhân viên Bảo vệ			02
2	Nhân viên Phục vụ			01
3	Nhân viên Nấu ăn			00

❖ **Trình độ đào tạo**

- Tổng số 36 CBGVNV, cụ thể như sau:

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

Loại hình giáo viên	Số lượng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Thành tích và kinh nghiệm	Tiêu chuẩn nghề nghiệp đạt được	Nội dung hoàn thành bồi dưỡng chuyên môn hàng năm
Giáo viên	21	01	14	06	-	02 GV Hội giảng cấp tỉnh, 100%	4/21 đạt Tốt = 19,0%	21/21 hoàn

văn hóa						GV đạt GV dạy giỏi cấp trường.	17/21 đạt Khá = 81,0%	thành = 100%
Giáo viên Tiếng Anh	02	-	02	-	-	01 GV dạy tỉnh	2/2 đạt Tốt = 100%	2/2 hoàn thành = 100%
Giáo viên Âm nhạc	01	-	01	-	-	01 GV đạt HG cấp tỉnh	1/1 đạt Tốt = 100%	1/1 hoàn thành = 100%
Giáo viên Mỹ Thuật	01	-	01	-	-	01 GV đạt HG cấp tỉnh	1/1 đạt Tốt = 100%	1/1 hoàn thành = 100%
Giáo viên Thể chất	02	-	-	02	-	GV dạy giỏi cấp trường.	2/2 đạt Khá = 100%	2/2 hoàn thành = 100%
Giáo viên Tin học	01	-	01			GV dạy giỏi cấp trường.	1/1 đạt Khá = 100%	1/1 hoàn thành = 100%
GV- TPT Đội	01	-	01	-	-	Đạt TPT giỏi	1/1 đạt Tốt = 100%	1/1 hoàn thành = 100%

 Cán bộ quản lý: 2/2 đồng chí

- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Trình độ Lý luận chính trị: Trung cấp

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 36/36 giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm, đạt tỷ lệ 100%. Cụ thể

Chức vụ	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Xếp loại chuẩn HT, PHT	Hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định
Hiệu trưởng	Trần Anh Tuấn	0973369760	trananhtuan760@gmail.com	Tốt	Hoàn thành
Phó hiệu trưởng	Võ Thị Phương Hoàng	0367055099	vothiphuonghoang80@gmail.com	Tốt	Hoàn thành

Hiệu trưởng đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn được đánh giá HTT nhiệm vụ trở lên.

 Nhân viên hỗ trợ

Chức danh	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Tiêu chuẩn nghề nghiệp đạt được	Nội dung hoàn thành bồi dưỡng chuyên môn hàng năm	Kinh nghiệm làm việc
Nhân viên kế toán	01	Trung cấp	Tốt	Hoàn thành	17 năm
Nhân viên thiết bị thư viện	01	Đại học	Tốt	Hoàn thành	17 năm
Nhân viên bảo vệ	02	/	/	Hoàn thành	15 năm HĐ 111
Nhân viên phục vụ	01	/	/	Hoàn thành	25 năm HĐ 111

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a. Thông tin về cơ sở vật chất

Danh mục	Tổng diện tích	Số lượng học sinh	Bình quân diện tích/học sinh	So với yêu cầu tối thiểu
Diện tích toàn trường	9590 m ²	1268	7,7 m ² /1 học sinh	Tối thiểu 10/ m ² /1 học sinh
Phòng học	2816 m ²	1268	2,2 / m ² /1 học sinh	Tối thiểu 10/ m ² /1 học sinh
Phòng chức năng				
- Phòng Tin học	64 m ²	1275		Đạt
- Phòng Thư viện	64 m ²	1275		Đạt
Phòng hành chính				
- Phòng hiệu trưởng	32 m ²			Đạt
- Phòng kế toán	40 m ²			Đạt
Khu vực vệ sinh				
- Nhà vệ sinh nam	40 m ²	634		Thiếu
- Nhà vệ sinh nữ	40 m ²	634		Thiếu
Khu vực sân chơi				
- Sân chơi ngoài trời	3344 m ²	1275		Đạt
Trang thiết bị				
- Máy tính	49	1268		Đạt
- Tivi	10	1268		Đạt
- Thiết bị thể dục thể thao	55			Đủ theo quy định

- Thiết bị dạy học	72			Đủ theo quy định của các khối lớp và các môn học
- Sách giáo khoa	2.631	1275/1275		Đủ theo quy định

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Khối phòng	Tên hạng mục	Số lượng	Đối sánh so yêu cầu
Hành chính quản trị	Phòng Hiệu trưởng	2	Đủ
	Phòng Phó hiệu trưởng	3	Đủ
	Văn phòng	1	Đủ
	Phòng bảo vệ	1	Đủ
	Khu để xe GV	1	Đủ
Khối phòng học tập	Phòng học tập	21	Đủ
	Tin học	2	Đủ
	Ngoại ngữ	2	Đủ
	Phòng âm nhạc	1	Đủ
Khối phòng hỗ trợ học tập	Phòng họp	2	
	Phòng y tế học đường	2	
	Nhà kho	1	
	Khu để xe học sinh	2	2 nhà - đủ
	Khu vệ sinh học sinh	6	6 nhà- đủ
Khu sân sân chơi, thể dục thể thao	Sân trường	2	6 222m ²
Khối phục vụ sinh hoạt	Nhà bếp		
	Kho bếp		
	Nhà ăn		

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu	Tổng SL theo nhu	Hiện có	Đối sánh với yêu cầu TH tối thiểu
--	-------------------------	----------------	--

				cầu tối thiểu của TT 37		
TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng			
1. MÔN TIẾNG VIỆT						
A	Tranh ảnh					
I	Chủ đề 1: Tập viết					
1		Bộ mẫu chữ viết	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu chữ viết để viết cho đúng, đẹp.	12	4	Thiếu 8
2		Bộ chữ dạy tập viết	Giúp học sinh thực hành quan sát mẫu chữ để hình thành biểu tượng về chữ cái, nhận biết các nét cơ bản và quy trình viết một chữ cái trước khi thực hành luyện tập bằng nhiều hình thức khác nhau.	12	4	Thiếu 8
II	Chủ đề 2: Học vần					Đủ
1		Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Giúp học sinh thực hành ghép vần, ghép tiếng, từ khóa, từ ngữ ứng dụng và thực hành vận dụng sáng tạo (ghép tiếng, từ mở rộng).	167	44	Thiếu 123
2		Bộ chữ học vần biểu diễn	Hướng dẫn quá trình học tập âm vần mới bằng trực quan sinh động, hấp dẫn.	6	0	Thiếu 6
III	Chủ đề 3: Chính tả					Đủ
1	Tên chữ cái tiếng Việt	Bảng tên chữ cái tiếng Việt	Giúp học sinh thuộc tên chữ cái tiếng Việt.	24	0	Thiếu 24
B	VIDEO/ CLIP					
I	Chủ đề 1. Tập viết					
1		Video dạy viết các chữ viết thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu các nét chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú luyện viết chữ đẹp của học sinh.	18	0	Thiếu 18

		đứng, chữ nghiêng)				
2		Video dạy viết các chữ viết hoa cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu các nét chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú luyện viết chữ đẹp của học sinh.	18	4	Thiếu 14
II Chủ đề 2: Viết đoạn văn, bài văn						
1		Video giới thiệu, tả đồ vật	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của đồ vật phục vụ cho hoạt động nói, viết đoạn văn giới thiệu, miêu tả đồ vật.	12	0	Thiếu 12
2		Video tả con vật, cây cối	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của con vật, cây cối để nói, viết đoạn văn/ bài văn miêu tả.	5	0	Thiếu 5
3		Video tả người, tả cảnh	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của người, của phong cảnh để viết bài văn miêu tả.	7	0	Thiếu 7
1. MÔN TOÁN						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
I	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
1	Hình học	Thiết bị vẽ bảng trong dạy học toán	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học Toán.	46	4	Thiếu 42
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	DỤNG CỤ					
1	SỐ VÀ PHÉP TÍNH					
1.1	Số tự nhiên	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	Giúp HS thực hành nhận biết số, đọc, viết, so sánh các số tự nhiên trong phạm vi từ 0 đến 100 (đối với lớp 1); từ 0 đến 1.000 (đối với	305	176	Thiếu 129

			lớp 2); từ 0 đến 100.000 (đối với lớp 3).			
1.2	Phép tính	Bộ thiết bị dạy phép tính	HS thực hành cộng, trừ trong phạm vi 10, cộng trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 đối với lớp 1;	450	44	Thiếu 406
			Giúp HS thực hành cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, cộng, trừ (không nhớ, có nhớ) trong phạm vi 1.000;	450	4	Thiếu 446
			Phép nhân, phép chia (bảng nhân 2,5; bảng chia 2,5)	450	6	Thiếu 444
			Giúp HS thực hành cộng, trừ (không và có nhớ) trong phạm vi 10.000/100.000, phép nhân, phép chia trong phạm vi 10.000/100.000.	151	44	Thiếu 107
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
2.1	Hình học	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học hình học.	11	4	Thiếu 7
2.2	Khối lượng	Bộ thiết bị dạy khối lượng	Giúp HS thực hành cân.	48	0	Thiếu 48
2.3	Dung tích	Bộ thiết bị dạy dung tích	Giúp HS thực hành đo dung tích.	48	0	Thiếu 48
2.4	Diện tích	Thiết bị dạy diện tích	Giúp HS thực hành đo diện tích.	48	0	Thiếu 48
3	THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT					
3.1	Xác suất	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất	Giúp HS khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập về khả năng xảy ra của một sự kiện (hay hiện tượng).	66	0	Thiếu 66
II	MÔ HÌNH					
1	SỐ VÀ PHÉP TÍNH					
1.1	Phân số	Bộ thiết bị hình	GV sử dụng khi dạy học về phân số.	12	0	Thiếu 12

		học dạy phân số				
1.2	Phân số	Bộ thiết bị hình học thực hành phân số	Giúp HS khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập về phân số.	307	0	Thiếu 307
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG					
2.1	Hình phẳng và hình khối	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	- Giúp GV dạy hình phẳng và hình khối.	105	88	Thiếu 17
2.2	Mét vuông	Bộ thiết bị dạy học dạy đơn vị đo diện tích mét vuông	GV sử dụng khi dạy về diện tích.	5	0	Thiếu 5
2.3	Thời gian	Thiết bị trong dạy học về thời gian	Giúp HS thực hành xem đồng hồ.	18	0	Thiếu 18
III	PHẦN MỀM					
1	Hình học và đo lường	Phần mềm toán học	Phần mềm toán học hỗ trợ GV giúp HS thực hành, luyện tập các yếu tố hình học.	46	0	Thiếu 46
2	Thống kê và xác suất	Phần mềm toán học	Phần mềm toán học hỗ trợ GV giúp HS thực hành, luyện tập các yếu tố Thống kê và xác suất.	46	0	Thiếu 46
1. MÔN NGOẠI NGỮ						
I. Thiết bị dạy học ngoại ngữ thông dụng (lựa chọn 1)						
1			Phát các học liệu âm thanh.	1	0	Thiếu 1
2		Đầu đĩa	Phát học liệu hình ảnh và âm thanh cho các hoạt động nghe và nói.	1	0	Thiếu 1
3		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Kết nối với máy tính và các thiết bị khác để phát âm thanh, hình ảnh.	1	0	Thiếu 1
4		Bộ máy vi tính để bàn/hoặc	Kết nối với các thiết bị ngoại vi để trình chiếu bài giảng.	1	0	Thiếu 1

		máy tính xách tay				
5		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Phát các học liệu âm thanh và trợ âm cho giáo viên.	1	0	Thiếu 1
6		Bộ học liệu bằng tranh		12	0	Thiếu 12
7		Bộ học liệu điện tử	Hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy (điện tử), bài giảng (điện tử), học liệu (điện tử), bài tập, bài kiểm tra đánh giá.	3	0	Thiếu 3
II. Hệ thống thiết bị dạy học ngoại ngữ chuyên dụng (lựa chọn 2 - được trang bị và lắp đặt cho 01 phòng học Bộ môn Ngoại ngữ)						
1		Máy chiếu đa năng hoặc Màn hình hiển thị	Kết nối với máy tính và các thiết bị khác để phát âm thanh hình ảnh.	1	1	Thiếu 0
2		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Phát các học liệu âm thanh và trợ âm cho giáo viên.	1	0	Thiếu 1
3		Bộ học liệu bằng tranh		12	0	Thiếu 12
4		Bộ học liệu điện tử	Hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy (điện tử), bài giảng (điện tử), học liệu (điện tử), bài tập, bài kiểm tra đánh giá.	1	0	Thiếu 1
5		Thiết bị cho học sinh	Hỗ trợ học sinh học ngoại ngữ.	451	0	Thiếu 451
6		Thiết bị dạy cho giáo viên	Hỗ trợ giáo viên thực hiện dạy học ngoại ngữ.			
6.1		Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Kết nối với các thiết bị ngoại vi để trình chiếu bài giảng.	1	1	Đủ

6.2		Khởi thiết bị điều khiển của giáo viên	Kết nối thiết bị của giáo viên và học sinh. Điều khiển, tổ chức dạy học.	1	0	Thiếu 1
6.3		Phụ kiện	Dùng để cung cấp điện cho các thiết bị và kết nối tín hiệu giữa các thiết bị	1	1	Đủ
7		Bàn, ghế dùng cho giáo viên	Giáo viên sử dụng trong quá trình dạy học	1	1	Đủ
8		Bàn, ghế dùng cho học sinh	Học sinh sử dụng trong quá trình học tập.	189	189	Đủ
2. MÔN ĐẠO ĐỨC						
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: Yêu nước					
1.1	Yêu thương gia đình	Bộ tranh về Yêu thương gia đình	HS nhận biết được hành động, lời nói thể hiện tình yêu thương với mọi người trong gia đình	37	30	Thiếu 7
1.2	Quê hương em	Bộ tranh về quê hương em	HS nhận biết được một số việc làm thể hiện tình yêu quê hương	50	0	Thiếu 50
1.3	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Bộ tranh/ảnh về Tổ quốc Việt Nam	HS nhận biết được Quốc kì, Quốc hiệu; hành vi, việc làm thể hiện tình yêu Tổ quốc	6	0	Thiếu 6
1.4	Biết ơn người lao động	Bộ tranh về Biết ơn người lao động	- HS nhận biết được đóng góp của người lao động trong một số lĩnh vực.	22	0	Thiếu 22
1.5	Biết ơn những người có công với quê hương đất nước.	Bộ tranh. Biết ơn những người có công với quê hương đất nước	HS thể hiện sự biết ơn với người có công với quê hương đất nước	7	0	Thiếu 7
2	Chủ đề: Nhân ái					
2.1	Quan tâm, chăm sóc người thân	Bộ tranh về Quan tâm, chăm sóc người	HS phân biệt được hành vi, việc làm phù hợp/chưa phù hợp thể hiện sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình.	25	20	Thiếu 5

	trong gia đình	thân trong gia đình				
2.2	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Bộ tranh về Kính trọng thầy giáo, cô giáo	Giáo dục ý thức, hành vi kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè.	25	0	Thiếu 25
2.3	Quan tâm hàng xóm láng giềng	Bộ tranh về Quan tâm hàng xóm láng giềng	HS phân biệt được hành vi, việc làm phù hợp/chưa phù hợp về quan tâm hàng xóm, láng giềng.	24	0	Thiếu 24
2.4	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Bộ tranh về Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	HS nhận biết được một số hành vi, việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.	22	0	Thiếu 22
3	Chủ đề: Chăm chỉ					
3.1	Tự giác làm việc của mình	Bộ tranh về Tự giác làm việc của mình	HS phân biệt được hành vi đúng và hành vi chưa đúng về tự giác làm việc của mình.	37	31	Thiếu 6
3.2	Quý trọng thời gian	Bộ tranh về Quý trọng thời gian	Giáo dục ý thức, hành vi quý trọng thời gian.	26	0	Thiếu 26
3.3	Yêu lao động	Bộ tranh về Yêu lao động	HS phân biệt được biểu hiện của yêu lao động với lười lao động.	22	0	Thiếu 22
4	Chủ đề: Trung thực					
4.1	Thật thà	Bộ tranh về Thật thà	Giáo dục đức tính thật thà.	37	28	Thiếu 9
4.2	Nhận lỗi và sửa lỗi	Bộ tranh về Nhận lỗi và sửa lỗi	Giáo dục ý thức, hành vi nhận lỗi và sửa lỗi.	26	0	Thiếu 26

4.3	Giữ lời hứa	Bộ tranh về Giữ lời hứa	HS nhận biết được một số biểu hiện của việc giữ lời hứa.	24	0	Thiếu 24
4.4	Tôn trọng tài sản của người khác	Bộ tranh về tôn trọng tài sản của người khác	HS phân biệt được hành vi đúng/chưa đúng trong việc tôn trọng tài sản của người khác.	22	0	Thiếu 22
5	Chủ đề: Trách nhiệm					
5.1	Sinh hoạt nề nếp	Bộ tranh về Sinh hoạt nề nếp	HS phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng trong việc học tập, sinh hoạt đúng giờ, gọn gàng, ngăn nắp.	37	30	Thiếu 7
5.2	Thực hiện nội quy trường, lớp	Bộ tranh về Thực hiện nội quy trường, lớp	HS phân biệt được hành vi thực hiện tốt/chưa tốt nội quy trường, lớp.	37	0	Thiếu 37
5.3	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Bộ tranh về bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	HS phân biệt được hành vi đúng và chưa đúng trong việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.	26	0	Thiếu 26
5.4	Bảo vệ của công	Bộ tranh về bảo vệ của công	HS phân biệt được hành vi biết/chưa biết bảo vệ của công.	22	0	Thiếu 22
5.5	Bảo vệ môi trường sống	Bộ tranh về bảo vệ môi trường	HS phân biệt được hành vi bảo vệ môi trường và hành vi gây ô nhiễm môi trường.	28	0	Thiếu 28
6	Chủ đề: Kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân					
6.1	Tự chăm sóc bản thân	Bộ tranh về tự chăm sóc bản thân	HS phân biệt được những việc nên làm/không nên làm để tự chăm sóc bản thân.	37	29	Thiếu 8
6.2	Thể hiện cảm xúc bản thân	Bộ tranh về thể hiện cảm xúc bản thân	Giáo dục kỹ năng thể hiện cảm xúc bản thân.	26	0	Thiếu 26
7	Chủ đề: Kỹ năng tự bảo vệ					
7.1	Phòng tránh tai	Bộ tranh về phòng	Giáo dục kỹ năng tự vệ.	37	30	Thiếu 7

	nạn, thương tích	tránh tai nạn, thương tích				
7.2	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Bộ tranh về tìm kiếm sự hỗ trợ	Giáo dục kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.	26	0	Thiếu 26
7.3	Phòng tránh xâm hại	Bộ tranh về phòng tránh xâm hại	HS nhận biết được một số biểu hiện của việc xâm hại trẻ em.	22	0	Thiếu 22
8	Chủ đề: Hoạt động tiêu dùng					
8.1	Quý trọng đồng tiền	Bộ thẻ về mệnh giá các đồng tiền Việt Nam	HS nêu được vai trò của tiền.	12	12	Đủ
9	Chủ đề: Chuẩn mực hành vi pháp luật					
9.1	Tuân thủ quy định nơi công cộng	Bộ tranh về tuân thủ quy định nơi công cộng	HS phân biệt được hành vi tuân thủ và hành vi chưa tuân thủ quy định nơi công cộng.	26	22	Thiếu 4
9.2	Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông	Bộ sa bàn giao thông đường bộ	HS nêu được một số quy tắc an toàn giao thông.	24	20	Thiếu 4
9.3	Quyền và bổn phận trẻ em	Bộ tranh về quyền trẻ em	HS nhận biết được một số quyền của trẻ em.	22	0	Thiếu 22
II	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề: Yêu nước					
1.1	Quê hương em	Video, clip Quê hương em	Giáo dục tình yêu quê hương.	4	0	Thiếu 4
1.2	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Video, clip Em yêu Tổ quốc Việt Nam	Giáo dục tình yêu Tổ quốc.	8	0	Thiếu 4
1.3	Biết ơn những người có công với	Video, clip Biết ơn những người có	HS thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước	8	0	Thiếu 4

	quê hương, đất nước	công với quê hương, đất nước				
2	Chủ đề: Nhân ái					
2.1	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Video, clip về kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	Giáo dục ý thức, hành vi kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	6	0	Thiếu 6
2.2	Quan tâm hàng xóm láng giềng	Video, clip về Quan tâm hàng xóm láng giềng	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện quan tâm đến hàng xóm, láng giềng	6	0	Thiếu 6
2.3	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Video, clip về cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.	5	0	Thiếu 5
3	Chủ đề: Chăm chỉ					
3.1	Tự giác làm việc của mình	Video, clip Tự giác làm việc của mình	HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện tự giác làm việc của mình.	6	0	Thiếu 6
3.2	Quý trọng thời gian	Video, clip Quý trọng thời gian	Giáo dục ý thức, hành vi quý trọng thời gian.	6	0	Thiếu 6
3.3	Yêu lao động	Video, clip Yêu lao động	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống thể hiện yêu lao động.	5	0	Thiếu 5
3.4	Vượt qua khó khăn	Video, clip Vượt qua khó khăn	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để vượt qua khó khăn.	7	0	Thiếu 7
4	Chủ đề: Trung thực					

4.1	Thật thà	Video, clip Thật thà	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện đức tính thật thà.	6	0	Thiếu 6
4.2	Nhận lỗi và sửa lỗi	Video, clip Nhận lỗi và sửa lỗi	Giáo dục ý thức, hành vi nhận lỗi và sửa lỗi.	6	0	Thiếu 6
4.3	Giữ lời hứa	Video, clip Giữ lời hứa	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thực hiện lời hứa.	6	0	Thiếu 6
4.4	Tôn trọng tài sản của người khác	Video, clip Tôn trọng tài sản của người khác	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện tôn trọng tài sản của người khác.	5	0	Thiếu 5
4.5	Bảo vệ cái đúng, cái tốt	Video, clip Bảo vệ cái đúng, cái tốt	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để bảo vệ cái đúng, cái tốt.	7	0	Thiếu 7
5	Chủ đề: Trách nhiệm					
5.1	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Video, clip Bảo quản đồ dùng cá nhân	Giáo dục phẩm chất trách nhiệm	6	0	Thiếu 6
5.2	Bảo vệ môi trường sống	Video, clip Bảo vệ môi trường sống	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để bảo vệ môi trường sống.	7	0	Thiếu 7
6	Chủ đề: Kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân					
6.1	Lập kế hoạch cá nhân	Video, clip Lập kế hoạch cá nhân	HS biết cách lập kế hoạch cá nhân trong một số tình huống cụ thể.	7	0	Thiếu 7
7	Chủ đề: Kỹ năng tự bảo vệ					
7.1	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Video, clip Tìm kiếm sự hỗ trợ	HS biết cách tìm kiếm sự hỗ trợ trong một số tình huống cụ thể.	6	0	Thiếu 6
7.2	Xử lý bất hòa với bạn bè	Video, clip Xử lý bất hòa với bạn bè	HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để xử lý bất hòa với bạn bè.	6	0	Thiếu 6

7.3	Phòng tránh xâm hại	Video, clip Phòng tránh xâm hại	HS biết cách phòng tránh nguy cơ bị xâm hại.	7	0	Thiếu 7
8	Chủ đề: Chuẩn mực hành vi pháp luật					
8.1	Tuân thủ quy định nơi công cộng	Video, clip Tuân thủ quy định nơi công cộng	Giáo dục ý thức tuân thủ quy định nơi công cộng.	6	0	Thiếu 6
MÔN TN&XH						
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề 1. Gia đình					
1.1	Các thể hệ trong gia đình	Bộ tranh các thể hệ trong gia đình	HS thực hành xây dựng sơ đồ các thể hệ trong gia đình.	50	38	Thiếu 12
1.2	Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình	Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	Giúp học sinh hình thành được biểu tượng ban đầu về một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	75	38	Thiếu 37
1.3	Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà	Tranh hướng dẫn cách ứng xử khi có cháy xảy ra.	Giúp HS nhận biết các cách ứng xử khi có cháy xảy ra.	25	0	Thiếu 25
2	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương					
2.1	Hoạt động mua bán hàng hóa	Bộ thẻ Mệnh giá tiền Việt Nam	Giúp học sinh thực hành, sử dụng trong hoạt động tập mua bán hàng hóa.	6	4	Thiếu 2
2.2	Một số hoạt động sản xuất	Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội	Giúp học sinh hình thành được biểu tượng ban đầu về một số nghề; Phân biệt được các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công, công nghiệp.	12	8	Thiếu 4
3	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe					
3.1	Các bộ phận bên ngoài và	Bộ tranh: Cơ thể người và	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá	30	0	Thiếu 30

	giác quan của cơ thể	các giác quan	kiến thức thông qua quan sát.			
3.2	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	30	0	Thiếu 30
3.3	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	30	25	Thiếu 5
3.4	Giữ cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn	Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	30	25	Thiếu 5
3.5	Cơ quan vận động	Bộ xương	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	25	20	Thiếu 5
3.6	Cơ quan vận động	Hệ cơ	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	25	20	Thiếu 5
3.7	Cơ quan hô hấp	Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	25	20	Thiếu 5
3.8	Cơ quan bài tiết nước tiểu	Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	25	19	Thiếu 6
3.9	Cơ quan tiêu hóa	Các bộ phận chính của cơ quan tiêu hóa	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	24	0	Thiếu 24

3.10	Cơ quan tuần hoàn	Các bộ phận chính của cơ quan tuần hoàn	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	24	0	Thiếu 24
3.11	Cơ quan thần kinh	Các bộ phận chính của cơ quan thần kinh	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	24	0	Thiếu 24
4	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
4.1	Các mùa trong năm	Bốn mùa	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	25	21	Thiếu 4
4.2	Các mùa trong năm	Mùa mưa và mùa khô	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	25	21	Thiếu 4
4.3	Các hiện tượng thiên tai thường gặp	Một số hiện tượng thiên tai thường gặp	HS tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	25	21	Thiếu 4
II	MÔ HÌNH, MẪU VẬT					
1	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương					
1.1	Hoạt động giao thông	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Giúp học sinh tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.	25	20	Thiếu 4
2	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe					
2.1	Cơ quan vận động	Mô hình Bộ xương	Giúp học sinh tìm tòi khám phá mô hình Bộ xương người.	6	0	Thiếu 6
2.2	Cơ quan vận động	Mô hình Hệ cơ	Giúp học sinh tìm tòi khám phá mô hình hệ cơ người.	6	0	Thiếu 6
2.3	Cơ quan hô hấp	Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng (bản thân)	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng người.	12	0	Thiếu 12
3	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
3.1	Một số đặc điểm	Quả địa cầu	HS thực hành quan sát mô hình thu nhỏ của Trái Đất	12	2	Thiếu 10

	của Trái Đất					
III	DỤNG CỤ					
1	Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời					
1.1	Phương hướng	La bàn	HS thực hành xác định phương hướng bằng la bàn	6	0	Thiếu 6
IV	VIDEO/CLIP					
1	Các hiện tượng thiên tai thường gặp	Bộ các Video/Clip	Cung cấp cho học sinh về kiến thức và kỹ năng phòng tránh	6	0	Thiếu 6
2	Con người và sức khỏe	Bộ các Video/Clip	Giúp học sinh tìm tòi khám phá các cơ quan trong cơ thể người	12	0	Thiếu 12
3. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
I		Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam	HS xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam; Chỉ một số dãy núi chính, một số con sông chính, một số cao nguyên và một số mỏ khoáng sản của Việt Nam.	12	0	Thiếu 12
II		Bản đồ hành chính Việt Nam	HS xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam và vị trí các tỉnh/thành phố Việt Nam.	12	0	Thiếu 12
III		Bản đồ các nước và lãnh thổ trên thế giới	HS xác định vị trí địa lí của một số nước trên thế giới.	12	0	Thiếu 12
B	THIẾT BỊ DÙNG CHO LỚP 4					
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1	Thiên nhiên	Bộ tranh/ảnh: Một số dạng địa hình ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	HS mô tả một số dạng địa hình tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	25	0	Thiếu 25
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					

2.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Tranh/ảnh: Đê sông Hồng	HS mô tả đê ven sông để ngăn lũ.	5	0	Thiếu 5
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ảnh: Di sản thế giới ở vùng duyên hải miền Trung	HS nhận biết các di sản thế giới ở vùng duyên hải miền Trung.	22	0	Thiếu 22
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ảnh: Hoạt động kinh tế ở vùng Tây Nguyên	HS biết một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.	22	0	Thiếu 22
4.2	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Bộ tranh/ảnh: Lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên	HS biết một số hoạt động chính của lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên.	5	0	Thiếu 5
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1		Tranh/ảnh: Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ	HS mô tả sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân ở Nam Bộ.	5	0	Thiếu 5
II	BẢN ĐỒ/LƯỢC ĐỒ/ SƠ ĐỒ					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1		Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	5	0	Thiếu 5

1.2		Sơ đồ quần thể khu di tích Đền Hùng	- HS biết xác định:	5	0	Thiếu 5
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					
2.1		Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	5	0	Thiếu 5
2.2	Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Sơ đồ khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám	- HS biết xác định:	5	0	Thiếu 5
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1		Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải miền Trung	- HS xác định vị trí địa lí:	5	0	Thiếu 5
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1		Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên	- HS xác định vị trí: Vùng Tây Nguyên; Các cao nguyên, con sông chính ở Tây Nguyên	5	0	Thiếu 5
5	Chủ đề: NAM BỘ					
5.1		Bản đồ tự nhiên vùng Nam Bộ	- HS xác định vị trí địa lí:	5	0	Thiếu 5
III	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ					
1.1		Video/cli p: Một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ	HS biết một số cách khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.	5	0	Thiếu 5
2	Chủ đề: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ					

2.1	Sông Hồng và văn minh sông Hồng	Phim tư liệu/mô phỏng: Một số thành tựu tiêu biểu văn minh sông Hồng	- HS biết một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng	5	0	Thiếu 5
3	Chủ đề: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG					
3.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Video/cli p: Một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung	HS biết một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung.	5	0	Thiếu 5
3.2	Cố đô Huế	Video/cli p: Danh lam thắng cảnh ở cố đô Huế	HS biết vẻ đẹp của thiên nhiên và một số di tích lịch sử ở cố đô Huế.	5	0	Thiếu 5
4	Chủ đề: TÂY NGUYÊN					
4.1		Video/cli p: Lễ hội công nông chiêng	HS biết một số hoạt động chính của lễ hội công nông chiêng Tây Nguyên.	5	0	Thiếu 5
5	Chủ đề : NAM BỘ					
5.1	Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa	Video/cli p: Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ	HS mô tả sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân ở Nam Bộ.	5	0	Thiếu 5
C	THIẾT BỊ DÙNG CHO LỚP 5					
I	TRANH ẢNH					
1	Chủ đề: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM					
1.1	Văn Lang - Âu Lạc	Tranh/ảnh: Nhà nước Văn	HS mô tả một số thành tựu luyện kim và xây thành của cư dân Văn Lang - Âu Lạc.	7	0	Thiếu 7

		Lang - Âu Lạc				
1.2	Phù Nam	Tranh/ ảnh: Hiện vật khảo cổ học của Phù Nam	HS mô tả một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam.	7	0	Thiếu 7
1.3	Champa	Tranh/ ảnh: Đèn tháp Champa	HS mô tả một số đèn tháp Champa còn lại đến ngày nay.	7	0	Thiếu 7
2	Chủ đề: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM					
2.1	Cách mạng tháng Tám năm 1945	Tranh/ảnh : Cách mạng tháng Tám năm 1945	HS biết thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở một số địa phương	7	0	Thiếu 7
2.2	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Tranh/ ảnh: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	HS nhận biết một số sự kiện của chiến dịch Điện Biên Phủ	7	0	Thiếu 7
2.3	Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Tranh/ ảnh: Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	HS biết một số sự kiện trong chiến dịch Hồ Chí Minh	7	0	Thiếu 7
II	BẢN ĐỒ/LƯỢC ĐỒ					
1	Chủ đề: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM					
1.1	Khởi nghĩa Lam Sơn và triều hậu Lê	Lược đồ chiến thắng Chi Lăng	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày về chiến thắng ở ải Chi Lăng của quân dân Đại Việt	7	0	Thiếu 7
1.2	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Lược đồ chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	7	0	Thiếu 7
1.3	Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Lược đồ chiến dịch Hồ	HS biết đọc các thông tin trên lược đồ và trình bày diễn biến chính của chiến	7	0	Thiếu 7

		Chí Minh năm 1975	dịch Hồ Chí Minh năm 1975.			
2	Chủ đề: CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG					
2.1	Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	Bản đồ tự nhiên Trung Quốc	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Trung Quốc.	7	0	Thiếu 7
2.2	Nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào	Bản đồ tự nhiên nước Lào	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Lào.	7	0	Thiếu 7
2.3	Vương quốc Campuchia	Bản đồ tự nhiên nước Campuchia	HS biết vị trí địa lí, một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên của Campuchia.	7	0	Thiếu 7
2.4	Hiệp hội các nước Đông Nam Á	Bản đồ Hành chính - Chính trị Đông Nam Á	HS xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á.			
III	VIDEO/CLIP					
1	Chủ đề : NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM					
1.1	Văn Lang - Âu Lạc	Phim mô phỏng: Nước Văn Lang - Âu Lạc	HS biết các hoạt động kinh tế và đấu tranh bảo vệ quốc gia của người dân Văn Lang - Âu Lạc.	7	0	Thiếu 7
2	Chủ đề: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM					
2.1	Cách mạng tháng Tám năm 1945	Phim tư liệu Cách mạng tháng Tám	HS mô tả thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.	7	0	Thiếu 7
2.2	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Phim tư liệu Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	HS biết quá trình chuẩn bị, diễn biến và kết quả của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.	7	0	Thiếu 7

2.3	Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Phim tư liệu Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	HS biết diễn biến chính của chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.	7	0	Thiếu 7
IV MẪU VẬT/MÔ HÌNH						
1	Các châu lục và đại dương trên thế giới	Quả địa cầu tự nhiên	HS xác định được vị trí địa lí các châu lục và đại dương; Một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới.	5	0	Thiếu 5
D HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ						
1		Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên	GV xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) điện tử, chuẩn bị các học liệu điện tử, chuẩn bị các bài tập, bài kiểm tra, đánh giá điện tử phù hợp với Chương trình.	12	0	Thiếu 12
6. MÔN TIN HỌC						
I PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC						
1		Máy chủ	Quản lý, kết nối mạng cho các máy của HS và lưu trữ các phần mềm, học liệu phục vụ dạy và học.	1	1	Đủ
2		Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay	Dạy, học và thực hành	150	35	Thiếu 115
3		Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Để kết nối mạng LAN, Internet và dạy học	1	1	Đủ
4		Bàn để máy tính, ghế ngồi		35	35	Đủ
5		Hệ thống điện	Cung cấp điện cho các máy tính và các thiết bị khác	1	1	Đủ
6		Tủ lưu trữ	Lưu trữ	1	1	Đủ
7		Máy in Laser	Hỗ trợ dạy và học	1	1	Đủ
8		Máy chiếu	Hỗ trợ dạy và học	1	1	Đủ

		(hoặc Màn hình hiển thị)				
9		Điều hòa nhiệt độ/ Quạt điện	Ổn định nhiệt độ cho phòng máy và đảm bảo sức khỏe cho GV, HS		1	Đủ
10		Thiết bị lưu trữ ngoài	Dùng để sao lưu các dữ liệu quan trọng, phần mềm cơ bản, thiết yếu	1	1	Đủ
11		Bộ dụng cụ sửa chữa, bảo dưỡng máy tính cơ bản	Dùng để bảo trì và sửa chữa máy tính	1	0	Thiếu 1
12		Máy hút bụi		1	0	Thiếu 1
13		Bộ lưu điện	Lưu điện dự phòng cho máy chủ	1	1	Đủ
II	PHẦN MỀM					
1	Tất cả các chủ đề					
1.1		Hệ điều hành	Dạy và học, quản lý hoạt động máy tính	1	0	Thiếu 1
1.2		Phần mềm tin học văn phòng	Dạy và học và phục vụ các công việc chung	1	0	Thiếu 1
1.3		Phần mềm duyet web	Dạy và học	1	0	Thiếu 1
1.4		Phần mềm diệt virus	Bảo vệ hoạt động máy tính	1	0	Thiếu 1
1.5		Các loại phần mềm ứng dụng khác	Khai thác, sử dụng phần mềm ứng dụng trong quá trình dạy, học	1	0	Thiếu 1
2	Chủ đề: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin					
2.1		Phần mềm tìm kiếm thông tin	Dạy và học	1	0	Thiếu 1
3	Chủ đề: Ứng dụng tin học					

3.1		Phần mềm luyện tập sử dụng chuột máy tính	Dạy và học	1	0	Thiếu 1
3.2		Phần mềm luyện tập gõ bàn phím	Dạy và học	1	0	Thiếu 1
3.3		Phần mềm đồ họa	Dạy và học	1	0	Thiếu 1
4	Chủ đề: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính					
4.1		Phần mềm lập trình trực quan	Dạy và học	1	0	Thiếu 1
6. MÔN CÔNG NGHỆ						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật	Giúp HS thực hành lắp ghép các mô hình kỹ thuật	40	0	Thiếu 40
2		Bộ dụng cụ thủ công	Giúp HS thực hành các nội dung thủ công	40	0	Thiếu 40
3		Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây cảnh	Giúp HS thực hành chăm sóc hoa, cây cảnh	0	0	Đủ
4		Máy thu thanh	Dùng trong thực hành máy thu thanh	10	0	Thiếu 10
5		Ti vi	Dùng trong thực hành máy thu bình	0	0	Đủ
6		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Dùng trong minh họa, hướng dẫn thực hành Công nghệ	2	0	Thiếu 2
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	Tranh ảnh					
1	Sử dụng đèn học					
1.1		Đèn học	Giúp HS nhận biết được các bộ phận chính của đèn học	6	0	Thiếu 6

1.2		Mất an toàn khi sử dụng đèn học	Giúp HS nhận biết được một số tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học	6	0	Thiếu 6
2	Sử dụng quạt điện					
2.1		Quạt điện	Giúp HS nhận biết được các bộ phận chính của quạt điện	6	0	Thiếu 6
2.2		Mất an toàn khi sử dụng quạt điện	Giúp HS nhận biết được một số tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện	6	0	Thiếu 6
3	Sử dụng máy thu thanh					
		Mối quan hệ đài phát thanh và máy thu thanh	Giúp HS nhận biết được mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh	6	0	Thiếu 6
4	Sử dụng máy thu hình					
		Mối quan hệ đài truyền hình và máy thu hình (ti vi)	Giúp HS nhận biết được mối quan hệ giữa đài truyền hình và máy thu hình	6	0	Thiếu 6
5	Trồng hoa và cây cảnh trong chậu					
		Quy trình các bước gieo hạt, trồng cây con trong chậu	Giúp HS nhận biết được các bước gieo hạt, trồng cây con trong chậu	5	0	Thiếu 5
6	Sử dụng tủ lạnh					
		Các khoang trong Tủ lạnh	Giúp HS nhận biết vị trí các khoang khác nhau trong tủ lạnh và cách sử dụng tủ lạnh	7	0	Thiếu 7
7	Lắp ráp mô hình máy phát điện gió					
		Mô hình máy phát điện gió	Giúp HS nhận biết một số chi tiết chính của bộ lắp ráp mô hình máy phát điện	7	0	Thiếu 7
8	Lắp ráp mô hình điện mặt trời					
		Mô hình điện mặt trời	Giúp HS nhận biết một số chi tiết chính của bộ lắp ráp mô hình điện mặt trời	7	0	Thiếu 7

II MÔ HÌNH, MẪU VẬT						
1	Sử dụng đèn học					
		Đèn học	Giúp HS thực hành tìm hiểu cấu tạo và kiểu dáng của một số đèn học	10	0	Thiếu 10
2	Sử dụng quạt điện					
		Quạt bàn	Giúp HS thực hành tìm hiểu cấu tạo và kiểu dáng một số quạt bàn	10	0	Thiếu 10
III VIDEO/CLIP						
1	Lắp ghép mô hình kĩ thuật					
		Lắp ráp mô hình kĩ thuật	Giúp HS tìm hiểu về cách lắp ráp một số mô hình kĩ thuật	1	0	Thiếu 1
2	Vai trò của công nghệ					
		Công nghệ trong đời sống	Giúp HS tìm hiểu về công nghệ trong đời sống	1	0	Thiếu 1
3	Nhà sáng chế					
		Một số nhà sáng chế nổi tiếng	Giúp HS tìm hiểu về một số nhà sáng chế nổi tiếng	1	0	Thiếu 1
4	Tìm hiểu thiết kế					
		Các công việc chính khi thiết kế	Giúp HS tìm hiểu về một số công việc chính khi thiết kế	1	0	Thiếu 1
5	Sử dụng tủ lạnh					
		Sử dụng tủ lạnh	Giúp HS tìm hiểu về một số cách sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh	1	0	Thiếu 1
6. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT						
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Đồng hồ bấm giây	Dùng để đo thành tích, so sánh thời gian ở đơn vị nhỏ hơn giây	30	1	Thiếu 29
2		Còi	Dùng để ra tín hiệu âm thanh trong hoạt động dạy, học	9	1	Thiếu 8
3		Thước dây	Dùng để đo khoảng cách trong hoạt động dạy, học.	30	0	Thiếu 30
4		Cờ lệnh thể thao	Dùng để ra tín hiệu trong hoạt động dạy, học	120	118	Thiếu 2

5		Biển lật số	Dùng để ghi điểm số trong các hoạt động chơi trò chơi, thi đua, thi đấu tập.	30	28	Thiếu 2
6		Nắm thể thao	Xác định các vị trí trong hoạt động dạy, học.	60	58	Thiếu 2
7		Bơm	Dùng để bơm hơi các thiết bị, dụng cụ	2	0	Thiếu 2
8		Dây nhảy cá nhân	Dùng để luyện tập, hỗ trợ thể lực, vui chơi	60	0	Thiếu 60
9		Dây nhảy tập thể		30	28	Thiếu 2
10		Dây kéo co		2	0	Thiếu 2
II THIẾT BỊ THEO CHỦ ĐỀ						
1 Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản						
1.1		Cầu thăng bằng thấp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện các kĩ năng thăng bằng của HS.	2	0	Thiếu 2
1.2		Thảm xóp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ năng quỳ, ngồi, lăn, lộn của HS.	20	8	Thiếu 12
1.3		Thang chữ A	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ năng leo, trèo của HS.	7	0	Thiếu 7
2 Bài thể dục						
2.1		Hoa	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện Bài thể dục của HS.	245	0	Thiếu 245
2.2		Vòng		245	0	Thiếu 245
2.3		Gậy		245	0	Thiếu 245
III THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN						
(Chỉ trang bị những dụng cụ/thiết bị tương ứng, phù hợp với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)						
1 Bóng đá						
1.1		Quả bóng đá	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ thuật, thực hành của HS môn Bóng đá	80	6	Thiếu 74
1.2		Cầu môn		2	1	Thiếu 1
2 Bóng rổ						
2.1		Quả bóng rổ	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kĩ	80	2	Thiếu 78

			thuật, thực hành của HS môn Bóng rổ			
2.2		Cột, bảng bóng rổ		2	1	Thiếu 1
3	Bóng chuyên hơi					
3.1		Quả bóng	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn bóng chuyên hơi	80	0	Thiếu 80
3.2		Cột và lưới		2	2	Đủ
4	Đá cầu					
4.1		Quả cầu đá	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Đá cầu	120	0	Thiếu 120
4.2		Cột, lưới		3	1	Thiếu 2
5	Cờ Vua					
5.1		Bàn và quân cờ	Dùng cho HS học và tập luyện môn Cờ vua	80	3	Thiếu 77
5.2		Bàn và quân cờ treo tường	Dùng cho GV giảng dạy môn Cờ vua	7	0	Thiếu 7
6	Võ					
6.1		Địch đâm, đá (cầm tay)	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và luyện tập, thực hành của HS phù hợp với đặc điểm từng môn Võ thuật	40	20	Thiếu 20
6.2		Thảm xóp		0	0	Đủ
7	Bơi					
7.1		Phao bơi	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Bơi.	20	0	Thiếu 20
7.2		Sào cứu hộ		2	0	Thiếu 2
7.3		Phao cứu sinh		60	0	Thiếu 60
8	Thể dục Aerobic					
8.1		Thảm xóp	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS nội dung Thể dục Aerobic	0	0	Đủ

8.2		Thiết bị âm thanh đa năng di động		0	0	Đủ
9	Khiêu vũ thể thao	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ thuật, thực hành của HS môn Khiêu vũ thể thao	0	0	Đủ
4. MÔN KHOA HỌC						
I	Tranh, ảnh					
1	Chất					
1.1	Nước	Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên	HS thực hành, tìm hiểu về các thành phần và quá trình trong "Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên"	22	0	Thiếu 22
2	Năng lượng					
2.1	Ánh sáng	Bộ tranh về bảo vệ mắt	HS thực hành, tìm hiểu về những việc nên làm và không nên làm để tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt; không đọc, viết dưới ánh sáng quá yếu.	22	0	Thiếu 22
2.2	Năng lượng điện	Bộ tranh an toàn về điện	HS thực hành, tìm hiểu về những việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn về điện	28	0	Thiếu 28
3	Thực vật và động vật					
3.1	Nhu cầu sống của thực vật và động vật	Sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường	HS thực hành, tìm hiểu về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường	22	0	Thiếu 22
3.2	Sự sinh sản ở thực vật và động vật	Sơ đồ: Các bộ phận của hoa	HS thực hành, tìm hiểu về các bộ phận của hoa.	28	0	Thiếu 28

4	Con người và sức khỏe					
4.1	Dinh dưỡng ở người	Thấp dinh dưỡng	HS tìm hiểu về dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em từ 6 đến 11 tuổi.	5	0	Thiếu 5
II	Video/clip					
1	Chất					
1.1	Nước	Xử lý nước cấp cho sinh hoạt	HS tìm hiểu về các bước cơ bản xử lý nước ngầm hoặc nước bề mặt thành nước cấp cho sinh hoạt tại các nhà máy nước.	5	0	Thiếu 5
1.2		Ô nhiễm, xói mòn đất	HS tìm hiểu về nguyên nhân, tác hại và biện pháp chống ô nhiễm, xói mòn đất.	7		Thiếu 7
III	Dụng cụ					
1	Chất					
1.1	Không khí	Hộp đối lưu	HS thực hiện thí nghiệm, tìm hiểu về sự di chuyển của không khí tạo thành gió	10	0	Thiếu 10
1.2	Không khí	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	HS tìm hiểu về không khí cần cho sự cháy	10	0	Thiếu 10
2	Năng lượng					
2.1	Ánh sáng	Hộp thí nghiệm "Vai trò của ánh sáng"	HS thực hành, tìm hiểu ánh sáng cần cho sự nhìn thấy	10	0	Thiếu 10
2.2	Điện	Bộ lắp mạch điện đơn giản	HS tìm hiểu về mạch điện; thực hành lắp mạch điện đơn giản	10	0	Thiếu 10
2.3	Năng lượng mặt trời, gió và nước chảy	Mô hình phát điện sử dụng năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió hoặc năng	HS tìm hiểu về sử dụng năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió, năng lượng nước chảy để phát điện	10	0	Thiếu 10

		lượng nước chảy				
2.4	Nhiệt	Nhiệt kế	Đo nhiệt độ	10	0	Thiếu 10
2.5	Nhiệt	Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể	Đo nhiệt độ cơ thể	10	4	Thiếu 6
2.6	Nắm	Kính lúp	HS thực hành, quan sát nắm	10	0	Thiếu 10
IV	Thiết bị phòng học bộ môn					
1		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu	2	0	Thiếu 2
7. MÔN NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC)						
I	Nhạc cụ thể hiện tiết tấu					
1		Trống nhỏ	HS luyện tập tiết tấu	20	10	Thiếu 10
2		Song loan	HS luyện tập tiết tấu	40	40	Đủ
3		Thanh phách	HS luyện tập tiết tấu	140	45	Thiếu 95
4		Triangle	HS luyện tập tiết tấu	20	10	Thiếu 10
5		Tambourine	HS luyện tập tiết tấu	20	10	Thiếu 10
6		Bells Instrument	HS luyện tập tiết tấu	20	20	Đủ
7		Maracas	HS luyện tập tiết tấu	15	15	Đủ
8		Woodblock	HS luyện tập tiết tấu	15	0	Thiếu 15
II	Nhạc cụ thể hiện giai điệu					
1		Kèn phím	HS luyện tập giai điệu	30	0	Thiếu 30
2		Recorder	HS luyện tập giai điệu	60	0	Thiếu 60
3		Xylophone	HS luyện tập giai điệu	9	0	Thiếu 9
4		Handbells	HS luyện tập giai điệu theo nhóm	3	0	Thiếu 3
5		Electric keyboard	GV thực hành, làm mẫu, giảng dạy	4	0	Thiếu 4
III	Thiết bị dùng chung cho các nội dung					
1		Thiết bị âm thanh đa năng di động	GV và HS sử dụng khi nghe nhạc và các hoạt động âm nhạc khác	4	0	Thiếu 4

7. MÔN NGHỆ THUẬT (MỸ THUẬT)						
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (trang bị cho một phòng học bộ môn)					
1		Bảng vẽ cá nhân	Học sinh thực hành	35	15	Thiếu 20
2		Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	Đặt bảng vẽ cá nhân	35	15	Thiếu 20
3		Bục đặt mẫu	- Đặt mẫu để học sinh quan sát, thực hành.	4	4	Đủ
4		Các hình khối cơ bản	Học sinh quan sát và thực hành	1	1	Đủ
5		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Dùng cho giáo viên tìm kiếm tư liệu và trình chiếu hình ảnh	1	0	Thiếu 1
6		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu, minh họa hình ảnh trực quan	1	1	Đủ
7		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho một số nội dung kết hợp âm nhạc trong các hoạt động mỹ thuật	1	0	Thiếu 1
8		Kẹp giấy	Kẹp giấy vẽ cố định vào bảng vẽ	12	0	Thiếu 12
9		Tủ/giá	Bảo quản sản phẩm, đồ dùng, công cụ học tập	3	1	Thiếu 2
10		Bút lông	Học sinh thực hành	36	0	Thiếu 36
11		Bảng pha màu (Palet)	Học sinh thực hành	35	0	Thiếu 35
12		Xô đựng nước	Học sinh thực hành	35	0	Thiếu 35
13		Tạp dề	Giúp HS giữ sạch trang phục trong thực hành	35	0	Thiếu 35
14		Bộ công cụ thực hành với đất nặn	Học sinh thực hành	35	20	Thiếu 15
15		Đất nặn	Học sinh thực hành	6	0	Thiếu 6
16		Màu Goát (Gouache colour)	Học sinh thực hành	12	0	Thiếu 12
II	TRANH ẢNH PHỤC VỤ KIẾN THỨC CƠ BẢN (trang bị cho một phòng học bộ môn)					

1		Tranh về màu sắc	HS nhận biết màu cơ bản, màu thứ cấp, gam màu nóng, gam màu lạnh	1	0	Thiếu 1
2		Bảng yếu tố và nguyên lý tạo hình	Học sinh hiểu được các yếu tố và nguyên lý tạo hình	1	0	Thiếu 1
3		Hoa văn, họa tiết dân tộc	Học sinh vận dụng hoa văn, họa tiết dân tộc vào bài thực hành	1	0	Thiếu 1
7. MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM						
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG					
1		Bộ học liệu điện tử	Giúp giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động (giáo án) điện tử, chuẩn bị bài giảng điện tử, chuẩn bị các học liệu điện tử, chuẩn bị các bài tập, bài kiểm tra, đánh giá điện tử phù hợp với Chương trình.	30	0	Thiếu 30
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ					
I	TRANH ẢNH					
1	Hoạt động hướng vào bản thân					
1.1		Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản	Giúp học sinh nhận diện các trạng thái cảm xúc cơ bản của bản thân thông qua gương mặt	76	25	Thiếu 51
1.2		Bộ thẻ về “Nét riêng của em”	Giúp học sinh nhận biết được mỗi con người là duy nhất và có nét riêng biệt	24	0	Thiếu 24
1.3		Bộ thẻ về “Sở thích của em”	Giúp học sinh giới thiệu được các sở thích của bản thân, những đặc điểm riêng của mình	24	0	Thiếu 24
1.4		Bộ thẻ mệnh giá tiền Việt Nam	Giúp HS thực hành, sử dụng trong hoạt động tập mua bán hàng hóa	72	40	Thiếu 32
1.5		Bộ thẻ các hoạt động trong ngày của em	Giúp học sinh nhận biết các công việc trong ngày của bản thân và sắp xếp các thứ tự hoạt động trong ngày.	46	0	Thiếu 46

1.6		Bộ thẻ về vệ sinh an toàn thực phẩm	Giúp học sinh nhận biết được thực phẩm an toàn và không an toàn	24	0	Thiếu 24
1.7		Bộ tranh về Phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc	Giúp HS nhận diện được các tình huống dễ bị lạc, bắt cóc	26	0	Thiếu 26
2	Hoạt động hướng đến xã hội					
2.1		Bộ thẻ Gia đình em		101	45	Thiếu 56
2.2		Bộ tranh Tình bạn	Giáo dục về tình bạn	26	20	Thiếu 6
3	Hoạt động hướng nghiệp					
3.1	Hoạt động hướng nghiệp	Bộ tranh Nghề của bố mẹ em	Nhận biết và làm quen với các nghề nghiệp khác nhau	50	45	Thiếu 5
II	VIDEO/CLIP					
1	Hoạt động hướng vào bản thân					
1.1		Video về “Không an toàn thực phẩm”	Giúp học sinh nhận biết được những nguyên nhân dẫn đến thực phẩm không an toàn	6	0	Thiếu 6
1.2		Video về nguy cơ trẻ em bị xâm hại	Giúp HS nhận biết được nguy cơ bị xâm hại, từ đó biết được những hành động để phòng tránh xâm hại.	5	0	Thiếu 5
1.3		Video về Văn hóa Giao tiếp trên mạng	Giúp HS nhận biết được lợi ích và một số tình huống nguy hiểm tiềm ẩn khi giao tiếp trên mạng.	7	0	Thiếu 7
1.4		Video về hỏa hoạn	Giúp HS nhận biết được nguyên nhân gây hỏa hoạn, hậu quả của hỏa hoạn	7	0	Thiếu 7
2	Hoạt động hướng đến xã hội					
2.1		Video về hành vi phản văn hóa nơi công cộng	Giúp học sinh nhận biết được những hành vi phản văn hóa nơi công cộng	5	0	Thiếu 5
3	Hoạt động hướng đến tự nhiên					

3.1		Video về Phong cảnh đẹp quê hương	Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước	18	6	Thiếu 12
3.2		Video về ô nhiễm môi trường	Giúp HS nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường	13	0	Thiếu 13
III DỤNG CỤ						
1 Hoạt động hướng nghiệp						
1.1		Bộ dụng cụ lao động sân trường	- Bộ dụng cụ làm vệ sinh trường học, bao gồm: Chổi rế loại nhỏ, ky hốt rác có cán bằng nhựa, găng tay lao động loại nhỏ phù hợp với học sinh, khẩu trang y tế loại nhỏ	5	0	Thiếu 5
			- Bộ công cụ làm vệ sinh lớp học, bao gồm: Chổi loại nhỏ, khăn lau, ky hốt rác có cán bằng nhựa, khẩu trang y tế loại nhỏ, giỏ đựng rác bằng nhựa có quai xách;	60	0	Thiếu 60
			- Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây trồng thông thường, bao gồm: xẻng, chĩa 3 bằng nhựa, bình tưới cây 4 lít bằng nhựa, kéo cắt cành.	5	0	Thiếu 5
1.2		Bộ dụng cụ lều trại	Giúp học sinh trải nghiệm với các Hoạt động ngoài trời	60	0	Thiếu 60
7. TBDH DÙNG CHUNG						
1		Bảng nhóm	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	126	42	Thiếu 84
2		Bảng phụ	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	30	0	Thiếu 30
3		Tủ/giá đựng thiết bị	Đựng thiết bị	60	6	Thiếu 58
4		Nam châm	Gắn tranh, ảnh lên bảng	600	80	Thiếu 520
5		Nẹp treo tranh	Nẹp tranh, bản đồ, lược đồ	20	20	Đủ
6		Giá treo tranh	Bảo quản tranh	3	3	Đủ

7		Thiết bị thu phát âm thanh	Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường để lựa chọn các thiết bị dưới đây cho phù hợp)			
7.1		Đài đĩa	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	10	0	Thiếu 10
7.2		Loa cầm tay	Dùng cho các hoạt động ngoài trời	5	1	Thiếu 4
7.3		Thiết bị âm thanh đa năng di động	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	2	1	Thiếu 1
8		Thiết bị trình chiếu	Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường để lựa chọn các thiết bị dưới đây cho phù hợp)			
8.1		Máy tính (để bàn hoặc xách tay)		5	2	Thiếu 3
8.2		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Trình chiếu	2	0	Thiếu 2
8.3		Đầu DVD	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục.	5	0	Thiếu 5
8.4		Máy chiếu vật thể	Dạy học	6	0	Thiếu 6
9		Máy in		1	0	Thiếu 1
10		Máy ảnh (hoặc Máy quay)	Dùng cho dạy học và hoạt động giáo dục	1	0	Thiếu 1
11		Cân	Dùng để đo khối lượng cơ thể học sinh	2	2	Đủ
12		Nhiệt kế điện tử	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể học sinh	2	0	Thiếu 2

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:

 Danh mục sách giáo khoa lớp 1:

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng Chủ biên / Chủ biên	Số lượng (quyển)	Ghi chú
1	Tiếng Việt 1 - Tập 1	Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)	35	
	Tiếng Việt 1 - Tập 2	Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)	35	
2	Toán 1 - Tập 1	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên)	35	
	Toán 1 - Tập 2	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên)	35	
3	Đạo đức	Cánh Diều	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên),	35	
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên)	35	
5	Giáo dục thể chất 1	Cánh Diều	Đặng Ngọc Quang (Tổng chủ biên kiêm chủ biên)	35	
6	Âm nhạc 1	Cánh Diều	Phạm Văn Tuyên (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)	35	
7	Mĩ thuật 1	Cánh Diều	Phạm Văn Tuyên (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Đông (Chủ biên)	35	
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Cánh Diều	Nguyễn Đức Quang (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)	35	

Danh mục này có 8 sách giáo khoa

 Danh mục sách giáo khoa lớp 2:

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng Chủ biên/ Chủ biên	Số lượng (quyển)	Ghi chú
1	Tiếng Việt 2 - Tập 1	Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên)	40	
	Tiếng Việt 2 - Tập 2	Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên)	40	

2	Toán 2 - Tập 1	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt (đồng Chủ biên),	40	
	Toán 2 - Tập 2	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt (đồng Chủ biên),	40	
3	Đạo đức 2	Cánh Diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên)	40	
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên)	40	
5	Giáo dục thể chất 2	Cánh Diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên)	40	
6	Âm nhạc 2	Cánh Diều	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên)	40	
7	Mĩ Thuật 2	Cánh Diều	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hải Kiên (Chủ biên)	40	
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên)	40	

Danh mục này có 8 sách giáo khoa

Danh mục sách giáo khoa lớp 3:

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng Chủ biên / Chủ biên	Số lượng (quyển)	Ghi chú
1	Tiếng Việt 3 - Tập 1	Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên)	40	
	Tiếng Việt 3 - Tập 2	Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên)	40	
2	Toán 3- Tập 1	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt (đồng Chủ biên),	40	
	Toán 3- Tập 2	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt (đồng Chủ biên),	40	
3	Đạo đức 3	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên)	40	
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên)	40	
5	Tin học 3	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên)	40	
6	Công nghệ 3	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên)	40	
7	Giáo dục thể chất 3	Cánh Diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên)	40	
8	Âm nhạc 3	Cánh Diều	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	40	

9	Mĩ thuật 3	Cánh Điều	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên)	40	
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Cánh Điều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiếp (Chủ biên)	40	
11	Tiếng Anh 3	(Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên)	40	

Danh mục này có 11 sách giáo khoa

Danh mục sách giáo khoa lớp 4:

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng Chủ biên / Chủ biên	Số lượng (quyển)	Ghi chú
1	Tiếng Việt 4 - Tập 1	Cánh điều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên)	59	
	Tiếng Việt 4 - Tập 2	Cánh điều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên)	59	
2	Toán 4- Tập 1	Cánh điều	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt (đồng Chủ biên),	59	
	Toán 4- Tập 2	Cánh điều	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt (đồng Chủ biên),	59	
3	Đạo đức 4	Cánh điều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên)	59	
4	Khoa học 4	Cánh điều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên)	59	
5	Lịch sử và Địa lý 4	Cánh điều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Lê Thống (Tổng Chủ biên)	59	
6	Tin học 4	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên)	59	
7	Công nghệ 4	Cánh điều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên)	59	
8	Giáo dục thể chất 4	Cánh điều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên)	59	
9	Âm nhạc 4	Cánh điều	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	59	
10	Mĩ thuật 4	Cánh điều	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên)	59	
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Cánh điều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiếp (Chủ biên)	59	
12	Tiếng Anh 4	(Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên)	59	

Danh mục này có 12 sách giáo khoa

Danh mục sách giáo khoa lớp 5:

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng Chủ biên / Chủ biên	Số lượng (quyển)	Ghi chú
-----	---------	-------------	--------------------------	------------------	---------

1	Tiếng Việt 5- Tập 1	Cánh điều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên)	50	
	Tiếng Việt 5 - Tập 2	Cánh điều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên)	50	
2	Toán 5- Tập 1	Cánh điều	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt (đồng Chủ biên),	50	
	Toán 5- Tập 2	Cánh điều	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt (đồng Chủ biên),	50	
3	Đạo đức 5	Cánh điều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên)	50	
4	Khoa học 5	Cánh điều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên)	50	
5	Lịch sử và Địa lý 5	Cánh điều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Lê Thống (Tổng Chủ biên)	50	
6	Tin học 5	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên)	50	
7	Công nghệ 5	Cánh điều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên)	50	
8	Giáo dục thể chất 5	Cánh điều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên)	50	
9	Âm nhạc 5	Cánh điều	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	50	
10	Mĩ thuật 5	Cánh điều	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên)	50	
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Cánh điều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên)	50	
12	Tiếng Anh 5	(Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên)	50	

Danh mục này có 12 sách giáo khoa

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Với sự nỗ lực và quyết tâm, nhà trường đã huy động các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, cùng với sự chỉ đạo sâu sát của Phòng GDĐT; Hội đồng TĐG đã hoàn thành hồ sơ theo kế hoạch đã đề ra. Đối chiếu với các kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường tiểu học được Bộ GDĐT ban hành; trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 27/ 27 tiêu chí, đạt Tỉ lệ: 100 %;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0/ 27 tiêu chí, đạt Tỉ lệ: 0 %;

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 27/ 27 tiêu chí, đạt Tỉ lệ: 100 %;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0 /27 tiêu chí, đạt Tỉ lệ: 0%;

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 19/ 27 tiêu chí, đạt Tỉ lệ: 70,73 %;

+ Số lượng tiêu chí không đạt: không

- Mức đánh giá của trường: Mức 3;

- Trường TH Lê Lai đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.**

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, trường Tiểu học Lê Lai tự đánh giá đạt Mức 2; được cấp trên kiểm tra đánh giá ngoài công nhận lại trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 (trong tháng 8/2024)

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. (*Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục kèm theo*)

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, CMHS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả tích hợp giáo dục STEM trong Chương trình GDPT cấp tiểu học.

NỘI DUNG CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Điều 9 thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh; năm học 2024-2025 chỉ tiêu tuyển sinh 109 em/ 3lớp. Thực hiện công tác tuyển sinh trực tiếp trong tháng 7 (phụ huynh nộp bản sao giấy khai sinh (đem bản chính để đối chiếu) và phiếu xác nhận nơi cư trú, Đơn đăng kí nhập học. Thời điểm hiện tại công tác tuyển sinh: Số trẻ trong địa

bàn: 111 em. (Trong đó học tại trường: 82 em, học nơi khác 29 em). Tổng số học sinh học lớp 1 được xét vào trường: 106 em, trong đó: 82 em học tại địa bàn; 21 em nơi khác đến; 3 hs lưu ban). Tuyển sinh 100% trẻ trong diện PCGD tiểu học ra lớp;

Kế hoạch số 23/KH-TH.TĐ ngày 01/7/2024 của trường TH Lê Lai, thị xã Hoà Thành về việc tuyển sinh lớp 1, năm học 2024-2025. (Đính kèm kế hoạch)

b. Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 (Đính kèm kế hoạch).

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh. (Đính kèm quy chế).

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

Tổ chức các hoạt động nhân kỉ niệm các ngày lễ lớn như trung thu, 20/11, 22/12, 26/3,...

Hàng tuần tổ chức sinh hoạt dưới cờ dưới hình thức sân khấu hóa

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giao lưu các câu lạc bộ Stem, TA, trải nghiệm ngoài nhà trường.

đ. Thực đơn hằng ngày của học sinh: (Đính kèm thực đơn)

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước 2023-2024

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

Tuyển sinh lớp 1: Tuyển sinh 106/106 = 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1

Số học sinh theo từng khối lớp như sau:

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Dân tộc	Số HSKT	Tỉ lệ HS/ lớp	Số buổi học/ tuần	Ghi chú
1	4	135	66	1/1	0	38	9 buổi	
2	4	127	70	2/2	0	32	9 buổi	
3	4	116	60	1/0	0	31	9 buổi	
4	4	119	60	0	0	30	9 buổi	
5	4	137	67	0	0	30	9 buổi	
Cộng	20	634	323	4/3	0		,	

Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	135	1	1
2	125	3	1
3	114	2	0
4	120	2	3
5	139	1	3
Tổng	633	9	8

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Kết quả đánh giá Năng lực và phẩm chất

Khối lớp	TSHS	Phẩm chất		Năng lực	
		Đạt		Đạt	
		SL	TL	SL	TL
1	135/66	135	100%	135	100%
2	127/70	127	100%	127	100%
3	116/60	116	100%	116	100%
4	119/60	119	100%	119	100%
5	137/67	137	100%	137	100%
Cộng	634/323	634	100%	634	100%

Kết quả các môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp	TSHS	Hoàn thành chương trình lớp học		Chưa hoàn thành chương trình lớp học	
		SL	TL	SL	TL
1	135/66	131	97,0%	03/135	3,0%
2	127/70	126	99,2%	01/126	0,8%
3	116/60	116	100%	/	/

4	119/60	119	100%	/	/
5	137/67	137	100%	/	/
Cộng	634/323	630	99,4%	04/634	0,6%

Tỷ lệ HS được lên lớp thẳng $630/634 = 99,4\%$, còn lại 04 học sinh rèn luyện thêm trong hè

Tỷ lệ HS được nhà trường tặng giấy khen là $320/590$ Tỷ lệ 54,2%.

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông

Chất lượng học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học $137/137 = 100\%$;

3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp (nếu có): Không có

Nơi nhận:

- CBQL, GV, NV;
- Trang website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Anh Tuấn